

**BỘ TÀI CHÍNH - BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2013

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Dự án 3 và Dự án 4 của
Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015.

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư liên tịch quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Dự án 3 và Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi áp dụng:

a) Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện Dự án 3 và Dự án 4 của Chương trình theo Quyết định số 1489/QĐ-TTg:

- Dự án 3: Nhân rộng mô hình giảm nghèo.

- Dự án 4: Hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình.

b) Thông tư này không áp dụng đối với các nguồn kinh phí sau:

- Nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, trừ trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thoả thuận về mức chi thì áp dụng theo mức chi quy định tại Thông tư này.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển: thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước đối với nguồn vốn này.

2. Đối tượng áp dụng: Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Dự án 3 và Dự án 4 của Chương trình.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Ngân sách trung ương:

a) Bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương để thực hiện nhiệm vụ được giao của Chương trình.

b) Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để triển khai các Dự án của Chương trình.

2. Ngân sách địa phương: bố trí kinh phí cho cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện nhiệm vụ của Dự án 3 và Dự án 4 quy định tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg theo quy định của pháp luật hiện hành về phân cấp ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nội dung và mức chi của Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo

1. Tùy theo yêu cầu, điều kiện cụ thể và căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện mô hình phối hợp với đơn vị liên quan thực hiện khảo sát, xây dựng mô hình trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ (đối với mô hình của các Bộ, ngành), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với mô hình của các địa phương) quyết định phê duyệt mô hình với các nội dung: tên mô hình, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, số hộ nghèo tham gia, các hoạt động của mô hình, dự toán kinh phí thực hiện mô hình, dự kiến hiệu quả của mô hình, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp.

2. Nội dung và mức chi:

a) Chi nghiên cứu, xây dựng mô hình mới, mô hình thí điểm và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình; xây dựng dự án nhân rộng và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình đã được thử nghiệm thành công: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04/10/2006 hướng dẫn chế độ khoán kinh phí thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và công nghệ và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Chi khảo sát, xác định lựa chọn xã nghèo và hộ nghèo có nhu cầu và điều kiện để tham gia mô hình thí điểm và mô hình nhân rộng; triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm mô hình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số

97/2010/TT-BTC).

c) Chi tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người nghèo tham gia mô hình. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC và Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 139/2010/TT-BTC).

d) Chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện mô hình cho đến khi mô hình có kết quả:

- Chi chế độ công tác phí cho cán bộ theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

- Chi hỗ trợ cho cán bộ 50.000 đồng/người/ngày thực địa.

đ) Chi hỗ trợ hộ nghèo được lựa chọn tham gia thực hiện mô hình:

- Cơ chế hỗ trợ trọn gói: Tùy theo từng mô hình cụ thể, hộ nghèo được hỗ trợ một lần chi phí để triển khai thực hiện mô hình. Việc sử dụng tiền hỗ trợ do người nghèo tự quyết định phù hợp với mô hình đã đăng ký tham gia.

- Mức hỗ trợ tối thiểu như sau:

- + 7.000.000 đồng/hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống ở địa bàn huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

- + 5.000.000 đồng/hộ nghèo sinh sống ở vùng khác.

- Tùy điều kiện cụ thể và khả năng huy động nguồn vốn hợp pháp khác, Bộ trưởng, Thủ trưởng các ngành, đoàn thể ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cao hơn cho phù hợp với từng mô hình; thu hồi một phần chi phí hỗ trợ hoặc vật nuôi phù hợp với từng mô hình và điều kiện cụ thể của từng hộ nghèo tại địa phương để nâng cao trách nhiệm của từng hộ nghèo, bảo đảm nhiều hộ nghèo được tham gia thực hiện mô hình.

e) Chi thí điểm thực hiện mô hình tạo việc làm công cho người nghèo thông qua thực hiện đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn, bản, xã bao gồm: công trình xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng, công trình phục vụ phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Mức chi do Bộ trưởng, Thủ trưởng các ngành, đoàn thể ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

g) Căn cứ vào nội dung hoạt động của từng mô hình; nội dung, mức chi quy định tại khoản 2 Điều này và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được giao chủ trì thực hiện mô hình và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung và mức chi đặc thù cụ thể đối với từng mô hình trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 4. Nội dung và mức chi của Dự án Hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình

1. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm

công tác giảm nghèo, truyền thông về giảm nghèo: Nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC và Thông tư số 139/2010/TT-BTC và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Chi tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, tập huấn triển khai nhiệm vụ, công tác giảm nghèo, tham quan mô hình, trao đổi kinh nghiệm về giảm nghèo giữa các địa phương: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

3. Chi thẩm định Chương trình, thẩm định các dự án thành phần thuộc Chương trình; tổ chức hội thảo trong nước; chi hoạt động chuyên môn có tính chất nghiên cứu khoa học gắn với nội dung, nhiệm vụ của chương trình theo đề cương nghiên cứu được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN.

4. Chi xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng về định hướng giảm nghèo bền vững, Chương trình:

a) Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, chương trình truyền thông đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên công tác truyền thông qua đài phát thanh huyện, xã, phường trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Nội dung và mức chi như sau:

- Chi sản xuất các chương trình phát thanh, truyền hình trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí) theo quy định tại Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/03/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Chi mua, nhân bản và phát hành các ấn phẩm truyền thông.

- Làm mới, sửa chữa pa nô, áp phích, khẩu hiệu: Mức chi theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp.

5. Chi tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao năng lực giảm nghèo bền vững tại cộng đồng:

a) Truyền thanh tại cộng đồng (hỗ trợ biên tập và phát thanh): Mức chi biên tập 75.000 đồng/trang 350 từ; bồi dưỡng phát thanh viên 15.000 đồng/lần; trường hợp phát thanh bằng tiếng dân tộc: 20.000 đồng/lần.

b) Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, đối thoại chính sách:

- Bồi dưỡng báo cáo viên, nước uống cho người tham dự theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC và Thông tư số 139/2010/TT-BTC.

- Chi thuê hội trường, phòng, bạt, bàn ghế, thiết bị loa đài (nếu có): Mức chi thực hiện theo hợp đồng, giấy biên nhận hoặc hoá đơn (trong trường hợp thuê dịch vụ).

6. Chi duy trì, phát triển, nâng cấp trang tin điện tử về giảm nghèo; thiết

lập cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu về giảm nghèo ở cấp trung ương, tỉnh, và huyện; nâng cao năng lực vận hành hệ thống giám sát, đánh giá và cập nhật thông tin về giảm nghèo: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKH&ĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của liên Bộ Tài chính- Bộ Kế hoạch và Đầu tư- Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

7. Chi công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26/01/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và Thông tư số 97/2010/TT-BTC.

Đối với đoàn công tác kiểm tra, giám sát đánh giá liên ngành, liên cơ quan: cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi phí cho chuyến công tác theo chế độ quy định (tiền tàu xe đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở nơi đến và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc) cho các thành viên trong đoàn. Để tránh chi trùng lặp, cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác thông báo bằng văn bản (trong giấy mời, triệu tập) cho cơ quan, đơn vị cử người đi công tác không phải thanh toán các khoản chi này.

8. Chi xây dựng khung và hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá chính sách, Chương trình, dự án giảm nghèo: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp - Văn phòng Chính phủ hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

9. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về giảm nghèo, dịch tài liệu (bao gồm cả tiếng dân tộc): Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

10. Chi thuê chuyên gia trong nước: Căn cứ vào mức độ cần thiết triển khai các hoạt động của Chương trình và dự toán ngân sách được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình quyết định việc thuê chuyên gia trong nước theo hình thức ký "Hợp đồng giao khoán công việc, sản phẩm". Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 219/2009/TT-BTC ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án, chương trình sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 219/2009/TT-BTC. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ quy

định của pháp luật về đấu thầu.

11. Chi khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chương trình theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn Luật.

12. Chi quản lý Chương trình:

a) Nội dung chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Quyết định số 135/2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Mức chi thực hiện theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

c) Chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã:

- Xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: 1.500.000 đồng/xã/năm.

- Xã khác: 1.200.000 đồng/xã/năm.

Điều 5. Lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

1. Việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí Chương trình thực hiện theo quy định Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật và cơ chế quản lý và điều hành Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Các cơ quan, đơn vị được phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện Chương trình chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán theo chế độ quy định.

3. Thực hiện giao dự toán trực tiếp cho cơ quan, đơn vị thực hiện hoạt động truyền thông trên cơ sở nhiệm vụ truyền thông, định mức kinh tế kỹ thuật và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành. Trường hợp cơ quan, đơn vị được giao dự toán để thực hiện hoạt động truyền thông nhưng cần sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị khác thực hiện hoạt động truyền thông thì được thực hiện đặt hàng theo quy định nhưng tối đa không quá 100.000.000 đồng/cơ quan, đơn vị/năm.

4. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán ký hợp đồng với các cơ quan, đơn vị khác thực hiện thì chứng từ làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại cơ quan, đơn vị được giao dự toán gồm: Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (kèm theo dự toán chi tiết được cơ quan chủ trì phê duyệt), biên bản nghiệm thu công việc, biên bản thanh lý hợp đồng, báo cáo quyết toán kinh phí của cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng ký kết, uỷ nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác. Các hoá đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do cơ quan trực tiếp thực hiện hợp đồng lưu giữ theo quy định hiện hành.

Cơ quan, đơn vị thực hiện hợp đồng có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình đã ký kết, trực tiếp sử dụng kinh phí theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; lập báo cáo quyết toán số kinh phí được cấp theo

quy định gửi cơ quan, đơn vị ký hợp đồng (không tổng hợp vào báo cáo quyết toán của cơ quan, đơn vị mình).

5. Chế độ báo cáo: Định kỳ hàng quý, năm, các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chương trình (cả kinh phí và chỉ tiêu chuyên môn) theo quy định hiện hành.

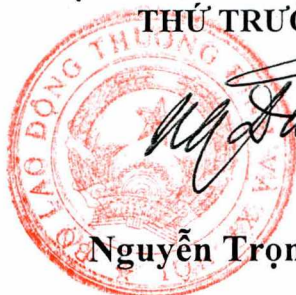
Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 5/7/2013. Đối với nội dung quy định tại khoản 3, Điều 5 thực hiện kể từ niên độ ngân sách năm 2014.

2. Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 20/8/2007 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và Thông tư liên tịch số 44/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 29/3/2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Trọng Đàm
Nguyễn Trọng Đàm

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh
Nguyễn Thị Minh

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW, Thủ tướng Chính phủ, các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ Khoa giáo văn xã, Công báo, Công TTĐT Chính phủ);
- Văn phòng BCĐTW về phòng chống tham nhũng;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở LĐTBXH, Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật-Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT: Bộ Tài chính, Bộ LĐTBXH;
- Các đơn vị thuộc BTC, Bộ LĐTBXH;
- Lưu VT: Bộ TC, Bộ LĐTBXH (400b).